

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 18/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 723/TTr-KHCN ngày 17 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12./10/2019 và thay thế Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định quản lý các hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&CN, Tư pháp (b/c);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Tỉnh ủy và các ban Đảng tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: VT, HC, CN.XDCB;
CVP, các P.CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Nường

QUY ĐỊNH

Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư và giai đoạn quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư không sử dụng vốn đầu tư công; đăng ký chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng; quản lý phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới được thực hiện theo Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 18/5/2018, Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, đăng ký chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Quy định này thống nhất với các từ ngữ sử dụng trong Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017, Luật Đầu tư ngày 26/11/2014, Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương II

THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Đối tượng thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thuộc các trường hợp sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao.

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản này.

3. Trong trường hợp triển khai dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ để tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về việc điều chỉnh, thay đổi công nghệ.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư

1. Thẩm quyền thẩm định về công nghệ của dự án đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án thực hiện theo Luật Đầu tư được quy định như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao;

b) Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ về dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nghệ gồm:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp thẩm định về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ: Cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17, 18, 19, 20 của Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017 và các quy định có liên quan.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh để các sở, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Kinh phí do ngân sách tỉnh cân đối hàng năm cho sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

3. Nội dung chi: Chi cho chuyên gia tư vấn, đánh giá; chi tổ chức Hội nghị tư vấn; chi tổ chức Hội đồng thẩm định; chi phí ăn, ở, đi lại cho các chuyên gia, thành viên hội đồng; Chi phí in ấn, tài liệu, nước uống phục vụ hội nghị tư vấn, Hội đồng thẩm định.

4. Mức chi: Áp dụng mức chi cho Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 17/4/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định mức chi, kinh phí chi hoạt động của Hội đồng sáng kiến và Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất

1. Theo kế hoạch 5 năm, hoặc nhiệm vụ đột xuất phát sinh hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu UBND tỉnh quyết định tổ chức đánh giá trình độ công nghệ sản xuất các ngành, lĩnh vực, địa phương của tỉnh.

2. Kinh phí tổ chức thực hiện lấy từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

Chương III

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 10. Đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao công nghệ và phần chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật Chuyển giao công nghệ thuộc một trong những trường hợp sau đây phải đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, trừ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ:

a) Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư.

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ không thuộc trường hợp phải đăng ký quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ được lập theo khoản 3, 4, 5, 6 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh để các sở, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

Điều 12. Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ

1. Đối với công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, nếu các bên có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện theo Điều 33 Luật Chuyển giao công nghệ và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, cấp Giấy đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ theo quy định.

Điều 13. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi

1. Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Chuyển giao công nghệ, cụ thể:

- a) Vi phạm nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;
- b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ;
- c) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp vi phạm pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Điều 14. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

1. Kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận công nghệ của đơn vị có dự án đầu tư nhằm phát hiện kịp thời và xử lý những hành vi đầu tư công nghệ sai khác so với

hồ sơ đã được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng sản phẩm và môi trường. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, sở quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn tổ chức kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo kế hoạch;

b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

Điều 15. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ gửi báo cáo, thống kê về tình hình thực hiện đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 16. Kinh phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ

Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, bổ sung, sửa đổi chuyển giao công nghệ có trách nhiệm nộp phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ được quy định tại Điều 4 của Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý công nghệ.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; phối hợp với sở, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

d) Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn,

sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quyết định quyết định chủ trương đầu tư.

đ) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố.

a) Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin chủ trương đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị chủ trương đầu tư tới Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ; chủ trì có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng khác trong việc kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân cấp quản lý.

d) Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý đẩy mạnh hoạt động áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ bằng vốn từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hoặc từ các nguồn vốn khác.

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với ngành, địa phương.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ theo khoản 1 Điều 15 của quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ bảo đảm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25 và Điều 26 của Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 19. Sửa đổi bổ sung quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật. / *ph*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Như